

LÝ LỊCH DI TÍCH

I/ Tên gọi:

- Tên thường gọi: Miếu Tổ nghề Yến.
- Tên chữ: Yến nghệ Tổ miếu.

II/ Địa điểm phân bố di tích, đường đi đến:

Di tích nằm ở Bãi Hương thuộc cụm đảo Cù Lao Chàm (nay là xã Tân Hiệp - Hội An).

Từ bến xe đò Hội An, với phương tiện thuyền gắn máy theo đường sông ra cửa Đại chạy về hướng Đông Nam đi khoảng 15km đến bến đò Bãi Làng. Tại đây, theo đường thủy thẳng hướng Tây-Nam đi khoảng 2km tới di tích, với đường bộ khoảng 4 km.

III/ Sự kiện, nhân vật lịch sử và thuộc tính của di tích:

Cù Lao Chàm một xã đảo có địa hình đồi núi, gồm 7 hòn đảo lớn nhỏ (hòn Khô, hòn Lá, hòn Dài, hòn Mỏ, hòn Lao, hòn Tai, hòn Ông) tạo thành hình vòng cung và 8 bãi cát vàng sạch, mịn (bãi Bắc, bãi Ruộng, bãi Ông, bãi Xếp, bãi Chông, bãi Bìm, bãi Hương, bãi Nằn). Dân cư tập trung chủ yếu ở bãi Làng và bãi Hương. Chính địa hình nơi đây với những vách đá cheo leo ấy lại là nơi cư trú của đàn chim Yến với các tổ Yến sào có chất dinh dưỡng nổi tiếng thế giới.

Yến sào (tổ chim Yến) có tên khoa học là Yến hàng - Collocalia Fuciphaga Germaini. Loại chim này vóc dáng nhỏ bằng chim sẻ, hông và bụng màu xám, toàn thân có màu nâu đen; cánh rất dài(115-125mm), vút nhọn, bay rất khỏe; đuôi ngắn, chẻ đôi; mỏ ngắn đẹp, có thể há rộng; chân ngắn có móng vuốt. Yến sống ở những hang đá trơ trọi, nơi đầu sóng gió, nhất là tại các hang đá ngập nước biển, ở các đảo đá biệt lập giữa ven bờ như hòn Khô, hòn Tai trong cụm đảo Cù Lao Chàm. Tháng giêng, chim yến bắt đầu làm tổ vào ban đêm, còn ban ngày chúng đi kiếm ăn (ăn từ sâu bọ đến vỏ ốc nhỏ và rong biển,..). Đến mùa làm tổ, chim yến tiết ra thứ chất nhờn từ tuyến nước bọt có khả năng kết dính, tạo thành tổ yến xinh xắn, một bên dính chặt

vào vách đá. Sợi yến mới nhả ra có màu trắng phớt hồng, mềm và dai, nhưng do tác động của không khí nên nhanh đông cứng chuyển thành màu trắng đục.

Dựa theo nguồn tư liệu thư tịch, lịch sử cho biết, từ trước thế kỷ XIII, người Trung Quốc đã biết đến giá trị của tổ yến và một số nước ở Đông Nam Á trong đó có người Chăm đã biết khai thác nguồn lợi đặc sản này trên các hang đảo nằm ở vùng biển. Ở Hội An đến nay còn lưu truyền nhiều câu chuyện dân gian liên quan đến vị tổ nghề yến như chuyện Nàng Yến. Chuyện được kể rằng, bên bờ biển vắng lặng kia, có hai vợ chồng lấy nhau 17 năm trời mới sinh được một người con gái. Cô bé này đúng là của quý của hai vợ chồng họ, nhưng thật lạ thay, cô bé dường như không chịu lớn theo thời gian, mà khuôn mặt cô như một đứa trẻ mới lên tám. Hai vợ chồng lo âu tính từng ngày, từng tháng, từng năm sống của cô con gái cưng. Vào đúng ngày cô gái vừa tròn 16 tuổi, một tháng, lẻ bốn ngày, những con chim hải âu hốt hoảng vỗ cánh bay ào đi trên nền trời xám xịt ở làng chài ven bờ biển vắng lặng. Trước cảnh tượng ấy, cụ già trưởng tộc ở xóm chài thông báo với mọi người xung quanh biết tai biến sắp tới. Cụ hỏi mọi người mau mau kéo nhau lên núi lánh nạn, nhưng chẳng còn kịp nữa, con sóng thần đã ập đến quét sạch làng chài. Nhưng kỳ diệu thay, cô gái có khuôn mặt trẻ thơ và cha mẹ nàng như có bàn tay thần hất họ lên tận ngọn núi. Nhờ sự cứu giúp đó họ đã sống sót. Tuy thoát chết nhưng họ chẳng biết lấy gì để sống trên ngọn núi trọc này. Cuối cùng cha mẹ cô gái đã ngất lịm đi, chỉ có cô gái với khuôn mặt trẻ con còn chút sức tàn đã lết đi tìm thức ăn, may thay nàng đã tìm được củ khoai rừng. Nàng cắn từng miếng nhỏ mớm cho cha mẹ, đến nỗi nàng dùng cả nước miếng của mình để mớm cho cha mẹ. Không biết thời gian trôi qua bao lâu, khi cha mẹ nàng tỉnh dậy thì thấy cô con gái yêu quý đã gục chết trong lòng họ. Hai ông bà già ôm xác con vừa đau đớn vừa lết dần xuống núi. Họ chôn đứa con gái yêu quý nhất đời của mình dưới chân núi. Ba ngày sau, trên mộ của cô gái có một con chim sắc lông đen huyền đứng im lìm. Mùa xuân năm sau, hai ông bà thấy con chim đen huyền kia trở lại ngôi nhà tranh nghèo của mình. Mùa xuân năm sau nữa, con chim đen huyền ấy lại trở về và đem theo cả hai con chim nhỏ. Sang mùa xuân thứ ba, trước khi chết, hai ông bà già đáng thương kia thấy cả một bầy chim đen huyền trở lại, riu rít quanh nhà họ. Từ đây, những người đi đánh cá biển thấy trên ngọn núi, nơi cô gái nằm chết xưa kia, nay đã sụt xuống biển thành một đảo núi nhỏ, những con chim đen huyền kéo về nhả nước miếng ra làm tổ. Họ gỡ những cái tổ ấy làm thức ăn, và đó là món ăn quý đã chữa lành nhiều bệnh, giúp con người thêm cường

tráng. Họ gọi giống chim nhỏ có sắc lông đen huyền ấy là chim yến và từ đây dân làng gọi nàng yến là Tổ nghề yến. Câu chuyện Nàng Yến đã được nhân dân lưu truyền đến ngày nay. Những tình tiết trong câu chuyện “*Nàng Yến vừa tròn mười sáu tuổi, một tháng, lễ bốn ngày*” như muốn nói chu kỳ chim yến làm tổ là tháng giêng và tháng tư hàng năm.

Với người Việt, sau khi tiếp thu mảnh đất này (TK 15), kế thừa kinh nghiệm khai thác yến sào của người Chăm, trước hết đó là ngư dân người làng Thanh Châu, tổng Thanh Châu, huyện Hà Đông, phủ Thăng Hoa, trong đó dân cư của hai tộc Trần và Hồ kế tiếp nhau đóng vai trò chủ yếu đối với nghề này. Theo truyền thuyết được biết ngư dân người làng Thanh Châu phát hiện ra yến sào ở hang Tò vò - Hòn Lao là ông Trần Tiến. Lúc đầu việc khai thác yến diễn ra tự phát bởi dân làng Thanh Châu. Đến thời chúa Nguyễn với việc mở mang bờ cõi về phía Nam, nghề khai thác yến cũng được mở rộng xuống các phủ Quy Nhơn, Phú Yên, Bình Khang, Diên Khánh... Do đó Chúa Nguyễn cho thành lập “*Đội Thanh Châu*” mà thực chất là giao cho dân làng Thanh Châu toàn quyền tổ chức khai thác, nộp thuế cho nhà nước hàng năm.

Đến đầu thế kỷ XIX, nhà Nguyễn cho tổ chức “*Đội Thanh Châu*” theo kiểu quân đội, cử các chức vụ: Quản lĩnh tam tỉnh yến hộ, Đội trưởng Ngũ quản lĩnh yến hộ, Hộ trưởng (*đều là người Thanh Châu*) trông coi nghề khai thác yến trong ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Bình, Khánh Hoà. Từ đời Gia Long trở đi ông Hồ Văn Hoà cùng con cháu thay nhau trông coi việc khai thác yến sào. Căn cứ vào nhiều nguồn tư liệu: biển, liễn, bia đá tại miếu Tổ nghề Yến hiện còn ghi: “*.....Tuy do thợ trời xây dựng, nhưng nhờ bởi thần lực phù trì, do vậy, các bậc tiên hiền, hậu hiền chưa hề dám không tận tâm cúng lễ. Nay ngưỡng mộ đức sáng của chư thần càng thêm bội phục. Vì thế tu sửa linh từ để đáp đền ơn to đức lớn, làm tăng vẻ đẹp, vẻ tươi, núi sông có chủ, hương hoả lâu dài. Ngày tốt thượng tuần giữa Thu năm Mậu Thân Tự Đức năm thứ nhất. Điện bàn phủ, Hoà Vang huyện, Thanh Châu tổng, Thanh Châu xã phó quản cơ gia nhị cấp, tầm thường gia nhất cấp nhưng lãnh yến hộ Hồ Văn Hoà cùng yến hộ Hộ trưởng Lê Văn Biểu, Dịch mục Dương Tấn Thành, Đinh Văn Nga, Đinh Văn Mẫn, Phạm Văn Võ bốn xã bốn hộ đồng lập*”. Vì vậy, có thể khẳng định ông Hồ Văn Hoà làm quan kiêm chức quản yến vào đời vua Gia Long và ông đã đứng ra lo xây dựng miếu để thờ các bậc tiên bối của nghề. Từ đó, các thế hệ con cháu sau này gọi ông Tổ nghề yến là ông Hồ Văn Hoà.

Đầu thế kỷ XX đến năm 1974 nhà nước quản lý, giao cho các hiệu buôn và chủ các công ty đấu thầu khai thác. Người làm nghề yén Thanh Châu trở thành những người làm công cho các chủ này. Đến năm 1975, nhà nước cách mạng quản lý khai thác, tiêu thụ nguồn tài nguyên này và Đội yén sào Hội An ra đời trên cơ sở phát triển làng yén Thanh Châu truyền thống.

Việc khai thác Yén sào đem lại nguồn lợi kinh tế hết sức to lớn nhưng cũng lắm gian nan vất vả luôn đe dọa đến tính mạng của con người. Để lấy được tổ chim Yén, người khai thác phải chuẩn bị hết sức chu đáo từ con người đến các phương tiện như ghe thuyền, đồ đựng và các công cụ như tre, sào, chĩa, vợt, dây thừng, dây nâu, túi đựng, bình nước lương thực, thực phẩm,... Quy trình khai thác không kém phần khó khăn, phải tuân thủ đúng quy trình. Người ta từ cửa hang theo nguồn nước chảy vào sâu trong hang đá, nêu ghe/thuyền sát vách chân núi rồi buộc cố định vào những tảng đá nhon xung quanh. Sau đó dùng cây tre dài khoảng 10 -15 m, cắm xuống lỗ đã đục sẵn trên ván ghe, đầu trên gác lên vách đá (*về hướng có tổ yén*). Cây tre được tạo thành những nấc thang. Người khai thác (*sào chĩa*) nai nịt gọn gàng cầm cây chĩa, lưng mang bao nhỏ, quanh người là cuộn dây thừng (*8ly dài 100m*) bắt đầu leo núi, trước hết tìm cách treo dây từ trên đỉnh vách núi xuống cho người khác leo lên gặt tổ yén. Cây *chĩa* là một cây sào bằng tre nhỏ, đầu gắn mảnh sắt mỏng dùng để nâng tổ yén, dưới mảnh sắt là một rọ mây hứng tổ yén. Ngày nay việc khai thác tổ yén được trang bị những thiết bị hiện đại hơn như thuyền máy thay cho thuyền buồm, đèn pin thay cho đèn gió, cây chống chắc chắn hơn nhưng đây vẫn là công việc rất nguy hiểm đến tính mạng của con người. Chính vì vậy, miếu Tổ nghề Yén được xây dựng ngay trên Bãi Hương- Cù Lao Chàm để thờ Tổ nghề và cầu mong mọi sự an lành, thuận buồm xuôi gió trong công việc khó nhọc này.

Từ những cơ sở trên và căn cứ lối kiến trúc, hoa văn trang trí ở di tích cùng thời, có thể khẳng định công trình được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ 19 để thờ Tổ nghề yén và Thành Hoàng bản xứ. Hàng năm vào ngày 10/3 âm lịch, cư dân ở đây tổ chức cúng rất linh đình với nhiều hình thức: cúng tế, rước gánh hát, tổ chức các trò chơi để chuẩn bị bắt tay vào khai thác tổ yén, vụ đầu tiên (*tháng 4*). Phục vụ năm du lịch Quốc gia - Quảng Nam 2006, UBND Thị xã Hội An cùng với chính quyền xã Tân Hiệp cùng bà con trong các tộc họ đã từng tham gia khai thác yén sào tổ chức lễ cúng Tổ nghề rất linh đình tại miếu này vào ngày 06 - 07/01/2006 tức mồng chín và mồng mười tháng hai năm Bính Tuất. Lễ cúng tổ nghề bắt đầu cúng lễ tức từ 19h - 21h

ngày 06/01/2006, Ban tế lễ gồm: đại diện UBND xã Tân Hiệp, Đội khai thác yến, tộc Hồ. Đại diện tộc Hồ dâng hương cáo yết. Lễ vật chủ yếu là hương hoa trà quả và vàng mã. Sang ngày thứ hai (7/4) từ 7h đến 9h lễ nghinh thần gồm các thuyền, ghe của xã Tân Hiệp, Đội khai thác yến tập trung tại Bãi Hương để đi nghinh. Lễ hội giỗ Tổ nghề yến thật ấn tượng khi mọi người chứng kiến đoàn rước vọng gồm đại diện ngư dân các làng chài, các tộc họ làm nghề khai thác yến truyền thống và đội khai thác yến Hội An, Ban tế lễ và đại diện bao lão khăn áo chỉnh tề, cờ giông, trống giục, trên thuyền trang trí kiệu nghinh đi qua các di tích tín ngưỡng vái vọng, sau đó đến Hòn Tai (hang yến) vái vọng rồi xuôi thuyền về miếu Tổ thỉnh nôi hương nhập điện (đem vào miếu), tiếp tục tiến hành tế lễ âm linh. Lễ tế âm linh gồm 3 phần chính:

- Hành sơ hiến lễ, Á hiến lễ, Chung hiến lễ, có xướng tế, cổ nhạc, đọc văn tế nhưng không hành nghi (đi gia lễ). Tế âm linh xong, tiếp tục lễ tế Tổ, trình tự giống tế âm linh nhưng có thêm phần đi gia lễ, dâng lễ vật yến sào và đại diện ban nghi lễ dâng hương tế Tổ. Ở giữa là chánh tế, hai bên là tả hữu phân hiến. Nghi lễ diễn ra rất trang nghiêm nhưng không kém phần nhộn nhịp hấp dẫn của các trò chơi như lắc thúng chai, đua thuyền, nhảy bao bố thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước, góp phần đem lại thành công cho lễ hội.

IV/ Loại hình di tích: Lịch sử + Kiến trúc nghệ thuật.

VI/ Khảo tả di tích:

Di tích được xây dựng trên một gò cát cách bờ biển không xa lắm (khoảng 150m) thuộc Bãi Hương, mặt tiền xoay ra hướng biển tức là hướng Tây - Tây Bắc nhìn vào đất liền.

Toàn bộ công trình được xây tường bao bọc xung quanh. Di tích có cổng tam quan đồ sộ, trụ chính giữa cao nhất 5,02m, trụ hai bên cao 4,1m, lối đi chính giữa cao 2,6m, rộng 1,7 m, lối đi hai bên cao 2m, rộng 0,95m, trên lối đi chính đắp nổi 4 chữ Hán “*Yến Nghệ Tổ miếu*”, 2 bên trụ có 2 câu đối “*Bách linh sở tụy tinh anh khí - Vạn vũ quân chiêm vũ lộ ân*”, công được sơn đỏ viền trắng, vàng, đắp hồi văn mang ý nghĩa cát tường. Hệ thống cửa bằng gỗ, gồm 6 cánh kiểu thượng song hạ bản. Từ cổng vào di tích là khoảng sân rộng với diện tích 7m lót gạch Bát Tràng, giữa sân là bình phong kiểu cuốn thư cao 1,6m, rộng 2,6m. Mặt trước bình phong đắp hình hổ đang bước xuống những tảng đá gập gềnh, với tư thế này hổ là hiện thân của âm, nó là vật canh

cửa thần, mặt bên trong của bình phong đắp phong cảnh sơn thủy với màu phối hài hoà và hình tượng hội văn ở cuốn thư làm cho bức tranh khá sinh động.

Công trình chính gồm 2 nếp nhà nối thông với nhau, tổng diện tích 69.3m, mái lợp ngói âm dương. Nếp thứ nhất hệ vì kèo cấu tạo theo kiểu chông rường giả thủ, liên kết giữa các rường và hoành (đòn tay/ xà gỗ) bởi những trụ đội và con sơn uốn cong lên mái ngói làm tăng thêm vẻ đẹp và vững chãi di tích. Mặt tiền thấp, không có lối đi giữa mà có hai lối đi ở hai bên theo kiểu cửa vòm, rộng 1,85m, cùng với hai cửa ở hai đầu hồi rộng 0,8m còn lại gần như tường thành bao bọc chung quanh. Trang trí mỹ thuật trên các cấu kiện kiến trúc ở đây chủ yếu là trên các rường, đầu dư đều có chạm xoi chỉ, hoa lá. Các giả thủ được cách điệu theo kiểu quả bí khá đẹp mắt.

Nếp thứ hai cách nếp thứ nhất qua hệ thống cửa gỗ thượng song hạ bản cao 2,1m, gồm 3 bộ, mỗi bộ 4 cánh, lối đi ở giữa là 2,24m, lối đi hai bên rộng 1,42m trên cửa trang trí rồng mây, hoa, lá cách điệu. Đây là không gian dành cho việc thờ cúng, bệ thờ chính giữa có kích thước 2,3 x 1,1m, bệ thờ tả, hữu có kt 1,1 x 0,75m, bệ thờ hai bên có kích thước 0,85 x 2m. Hệ vì kèo cấu tạo theo kiểu khung cũi chính giữa rồi bắt quyết qua 4 mái, cột - kèo - kẻ xoi chỉ nhỏ nhắn. Xà thượng (đòn dông) có đường kính 18cm, xà trung, xà hạ đường kính 15cm. Vì nóc tiền đình có 8 cây xà kẻ cả xà hiên, vì nóc hậu tẩm có 18 cây xà. Hệ thống cột kèo bố trí đơn giản hơn nếp nhà trước. Với lối kiến trúc cột trốn kẻ chuyền tạo cho không gian ngôi miếu thêm rộng rãi, thoáng mát. Trên các xà hạ là những bức hoành sơn son thếp vàng hài hòa cân đối, bức hoành giữa với câu

“*Trưởng Hải Vô Trần*”, Bức hoành phía Tây “*Hải Bất Dương Ba*”, bên trái ghi Tuế thứ Tân Mão mệnh Đông cát lập, bên phải ghi Mộc ân đệ tử Xán Tinh yển thuế công ty kính phụng, Bức hoành phía Đông “*Tích Ngã Vô Cương*”, bên trái có dòng chữ *Trung Hoa Dân Quốc thập tứ niên hạ nguyệt cát nhật*, bên phải ghi *Quảng ích xương kính thờ*”.

Trong không gian cùng với những bàn hương án thờ đồ sộ bài trí các bài vị của những bậc tiền bối khai sáng nghề yển sào và các vị thần liên quan đến sông nước. Các khám thờ kết hợp giữa chạm lộng, chạm nổi được sơn son thếp vàng, với những đồ án bát bửu đã tạo nên một vẻ đẹp uy nghiêm, rục rờ. Trên tường bên hữu (*theo hướng di tích*) có tấm bia đá ghi lại công đức của chư thần và ca tụng vẻ núi non kỳ vĩ của Cù Lao xứ, quanh trán bia trang trí rồng châu lưỡng nghi, hội văn viền quanh Hán tự.

Tuy với hai nếp nhà, nhưng do lối kiến trúc liên hoàn, xây tường bốn mặt gần như bịt kín nên tạo cho ta cảm giác sâu hút như một hang động.

Hệ mái lợp ngói âm dương, bố trí 29 vòng, bờ nóc trang trí lưỡng long tranh châu, quả châu bằng thuỷ tinh xanh, bán kính 19cm, đặt trên bệ cách điệu mây cuộn, rộng 1,7m, độ cao từ bờ nóc đến đỉnh quả châu là 74 cm. Hai bên bờ nóc là cặp rồng dài 1,92m, cao từ bờ nóc đến đầu rồng 66cm. Các khoảng giữa bờ nóc còn trang trí ô hộc làm cho mái nhà mềm mại. Trước đầu hồi uốn cong, đắp chỉ thanh thoát và gắn 4 đĩa sứ.

VI/ Các hiện vật trong di tích:

- 3 bức hoành (*một bức thờ Thiệu Trị, 1 thờ Tự Đức, 1 không xác định chính xác niên đại nhưng đoán định khoảng đầu thế kỷ 20*).

- 6 khám thờ có chạm trổ hoa văn sắc nét, sơn son thếp vàng.

- 14 bài vị gỗ viền hoa lá, chạm rồng, của các vị thần bà Đại Càn, Thành Hoàng, Hội đồng liệt vị, Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ tiên nương, Phục ba đại tướng quân Tứ, Dương hầu quốc công, ngọc Lân tướng quân, Khâm sai cai cơ Nhâm dương hầu, Hà bá thuỷ quan giang khê chư thần, Lịch đại tiên sư, Chúa Ngọc tiên nương, Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ, Hữu ban liệt vị.

- Một tấm bia đá năm Tự Đức thứ 8.

VII/ Giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật, văn hóa:

Đây là một công trình kiến trúc tín ngưỡng thờ cúng Tổ nghề, một nghề khá đặc biệt ở Việt Nam và có vai trò kinh tế quan trọng đối với cư dân trong vùng nói riêng và nước nhà nói chung.

Với công trình kiến trúc này, đã làm phong phú loại di tích thờ cúng tổ nghề cả về quy mô, kiểu dáng kiến trúc và nội dung thờ cúng.

Di tích nằm trên cụm đảo Cù Lao Chàm, góp phần làm tôn thêm sự phong phú điểm tham quan du lịch ở nơi đây, vừa là nơi có cảnh quan thiên nhiên (*danh thắng*) vừa là nơi có di tích kiến trúc lịch sử văn hóa.

VIII/ Tình trạng bảo quản di tích:

Di tích đã được nhà nước tu bổ năm 1997. Hiện nay, ngoài sự quản lý trực tiếp của UBND xã Tân Hiệp còn có người trông nom di tích thường xuyên.

IX/ Phương án bảo vệ, sử dụng di tích:

- Đề nghị Bộ VH-TT cấp bằng công nhận di tích Lịch sử - Văn hóa cho di tích để tăng cường tính pháp lý bảo vệ, tu bổ, sử dụng di tích lâu dài.

- Di tích đã có quyết định bảo vệ di tích cấp Tỉnh.

- Di tích đã được đưa vào danh mục quản lý tại cơ quan Quản lý Di tích địa phương từ năm 1985 với đầy đủ hồ sơ khoa học, vẽ ghi, đặc họa, ảnh chụp.

- Đề nghị các cấp chính quyền, các ngành quản lý thu hoạch sản phẩm này cần quan tâm đầu tư, hỗ trợ để có kế hoạch bảo tồn di tích.

X/ Cơ sở pháp lý để bảo vệ di tích:

- Di tích đã có quyết định bảo vệ di tích cấp Tỉnh.

- Di tích đã được đưa vào danh mục quản lý tại cơ quan Quản lý Di tích địa phương từ năm 1985 với đầy đủ hồ sơ khoa học, vẽ ghi, đặc họa, ảnh chụp.

XI/ Những tư liệu bổ sung:

- Trần Ánh, Nguyễn Chí Trung : *Nghề Yến Thanh Châu, Hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An 1990;*

- Bản dập văn bia;

- Bản dịch văn bia, hoành phi, câu đối;

- Sơ đồ bố trí thờ tự.

Hội An, ngày 17 tháng 5 năm 2006

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
Giám đốc

Người lập